

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN CỪ

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ I/2020

(Kèm theo Quyết định số 105/QĐ-THNVC ngày 31/03/2020 của Trường TH Nguyễn Văn Cừ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: : Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ (khác)
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	-	-			
1,2	Thu khác	170,836,000	170,836,000			
	Nước uống	29,260,000	29,260,000			
	Tin học	7,560,000	7,560,000			
	Tiêng Anh NNN	27,328,000	27,328,000			
	Tiền ăn + Chắt đốt	67,320,000	67,320,000			
	Tiền CSBT	34,068,000	34,068,000			
c	Tiền vệ sinh	5,300,000	5,300,000			
f	Kỹ Năng Sống					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	168,739,524	168,739,524			
1.1	Chi khác					
c	Nước uống	29,250,000	29,250,000			
d	Tin học	5,443,200	5,443,200			
h	Tiêng Anh NNN	25,469,696	25,469,696			
	Tiền ăn + Chắt đốt	67,320,000	67,320,000			
	Tiền CSBT	36,318,628	36,318,628			
	Tiền vệ sinh	4,938,000	4,938,000			
	Kỹ Năng Sống					
C	Số thu nộp NSNN					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	957,189,276	957,189,276			
1	Tiền lương (Mục 6000)	312,858,281	312,858,281			
2	Tiền công (6050)	44,041,202	44,041,202			
3	Phụ cấp (6100)	213,553,680	213,553,680			
4	Phụ cấp (6150)					
5	Tiền thưởng (6200)					
6	Phúc lợi tập thể (6250)	1,100,000	1,100,000			
7	Các khoản đóng góp(6300)	93,746,237	93,746,237			
8	các khoản thanh toán khác cho cá nhân (6400)					
9	Thanh toán DVCC(6500)	23,759,527	23,759,527			
10	Vật tư văn phòng (6550)	40,180,000	40,180,000			
11	Thông tin tuyên truyền (6600)	13,552,349	13,552,349			
12	Công tác phí (6700)					
13	Chi phí thuê mướn (6750)	15,555,600	15,555,600			
14	Chi sửa chữa (6900)	86,234,250	86,234,250			
15	Chi mua sắm TS (6950)	41,810,000	41,810,000			

16	Chi phí NVCM (7000)	38,366,000	38,366,000			
17	Mua sắm TSVH (7050)	10,600,000	10,600,000			
18	Chi khác (7750)	21,832,150	21,832,150			
1	Chi quản lý hành chính					
2	Nghiên cứu khoa học					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
11	Chi Chương trình mục tiêu					

Mạo Khê, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Hiệu trưởng



Vũ Thị Cúc

Ngô Thị Ninh